

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 5- 2022
V/v tranh chấp về L hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khải

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp về L hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đồng Thị Cẩm L, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp 6, xã V, huyện T, tỉnh G (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp 6, xã V, huyện T, tỉnh G (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đồng Thị Cẩm L trình bày:

- Hôn nhân của chị với anh Trần Văn H là tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã V, huyện T, tỉnh G. Sau khi kết hôn anh chị cùng nhau lên thành phố làm công nhân, đến khi chị mang thai gần đến ngày sinh thì vợ chồng anh chị về nhà mẹ của chị sinh sống. Từ đó, vợ chồng anh chị bắt đầu bất đồng quan điểm, mỗi lần cãi nhau anh H đều bỏ nhà đi một thời mới về. Lần cãi nhau sau cùng vào khoảng tháng 05 năm 2021, thì anh H bỏ về bên nhà mẹ chồng ở ấp 6, xã T, huyện V sinh sống nên anh chị cũng L thân từ đó cho đến nay. Hiện tại, anh H đi làm thuê nhưng làm ở đâu thì chị không rõ nhưng vẫn thường về nhà mẹ chồng. Chị nH thấy vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hôn nhân bất hòa và không thể tiếp tục chung sống với anh Trần Văn H được nữa nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được L hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung: Chị với anh Trần Văn H có một người con chung họ tên là Trần Trọng H, sinh ngày 01/02/2019, do chị đang nuôi dưỡng. Từ khi anh H bỏ nhà đi cho đến nay không có gọi điện hay về thăm con. Hiện tại chị đang làm công nhân nên có nguồn thu nhập ổn định để nuôi dưỡng con. Do đó, khi L hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Trọng H. Đồng thời, chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với số tiền là 745.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi cháu Trần Trọng H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng anh Trần Văn H đều vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn là đúng pháp luật; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nH yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được L hôn với bị đơn; Về con chung: Giao cháu Trần Trọng H cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng; Bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 745.000 đồng/tháng; Về tài sản chung và nợ chung đều không có, không yêu cầu giải quyết; Về án phí hôn nhân gia đình và sơ thẩm buộc nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Về yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất đều không có.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhđịnh:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Đồng Thị Cẩm L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được L hôn với anh Trần Văn H và yêu cầu được dưỡng nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn anh Trần Văn H có địa chỉ tại ấp 6, xã V, huyện T, tỉnh G. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp “Tranh chấp về L hôn, nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang;

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với bị đơn anh Trần Văn H, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 03/02/2017, chị Đồng Thị Cẩm L với anh Trần Văn H xác lập quan hệ hôn nhân (đăng ký kết hôn) theo quy định nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Chị Đồng Thị Cẩm L với anh Trần Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 03/02/2017, tại Ủy ban nhân dân xã Vĩ Trung, huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang. Thời điểm chị L với anh H đăng ký kết hôn, thì anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến khoảng tháng 05 năm 2021 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hôn nhân bất hòa nên anh H về nhà mẹ của anh ở ấp 6, xã T, huyện Vsinh sống cho đến nay. Từ đó, vợ chồng anh chị cũng đã L thân. Theo biên bản xác minh ngày 11/11/2021, chị L với anh H có tổ chức đám cưới và có một con chung, về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu L hôn giữa anh chị thì chính quyền địa phương không rõ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu L hôn. Như vậy, từ khi L thân cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu

thuần để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu L hôn của chị Đồng Thị Cẩm L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị L với anh H có một người con chung có họ tên là Trần Trọng H, sinh ngày 01/02/2019, do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi L hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Trọng H. Về phía bị đơn anh H, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Chị L đã trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Trọng H từ khi L thân cho đến nay. Do đó, để ổn định về tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của cháu Trần Trọng H nên tiếp tục giao cháu Trần Trọng H cho chị L nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đồng Thị Cẩm L yêu cầu anh Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với số tiền là 745.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi cháu Trần Trọng H đủ 18 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*, con chung được giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, do đó cần buộc anh H cấp dưỡng nuôi cháu Trần Trọng H là phù hợp; đối với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, theo hướng dẫn tại khoản 2, mục III Công văn số: 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới 1/2 mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng. Xét thấy để đảm bảo về điều kiện tài chính nuôi dạy con chung, nên việc chị L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng là có căn cứ. Do đó, cần buộc anh Trần Văn H cấp dưỡng cho cháu Trần Trọng H, sinh ngày 01/02/2019, mỗi tháng là 745.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L khẳng định về nợ chung và tài sản chung không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí L hôn theo quy định; Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nH yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị Cẩm L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đồng Thị Cẩm L với anh Trần Văn H được L hôn.

2. Về con nuôi dưỡng chung: Giao cháu cháu Trần Trọng H, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2019 cho chị Đồng Thị Cẩm L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi L hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Trọng H, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2019 với số tiền là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng là hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày Tòa án tuyên án (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Án phí L hôn: Chị Đồng Thị Cẩm L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002533, ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí, chị Đồng Thị Cẩm L đã nộp xong, không phải nộp thêm.

Án phí cấp dưỡng: Anh Trần Văn H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nH được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nH:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Huỳnh Thị Quyền Trân